

Số: 633 /QĐ-UBND

Quảng Điền, ngày 07 tháng 4 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho các tổ chức, hộ gia đình và cá nhân khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình: Chính trang đô thị thị trấn Sịa (khu vực Nam Thủ Lễ), huyện Quảng Điền (giai đoạn 1)

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG ĐIỀN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 64/2014/QĐ-UBND ngày 25 tháng 9 năm 2014 của UBND tỉnh ban hành Quy định về trình tự, thủ tục thu hồi đất để sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế;

Căn cứ Quyết định số 68/2015/QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2015 của UBND tỉnh ban hành đơn giá nhà, công trình, vật kiến trúc và các loại mô mã làm căn cứ bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế;

Căn cứ Quyết định số 02/2017/QĐ-UBND ngày 10 tháng 01 năm 2017 của UBND tỉnh ban hành Quy định việc lập dự toán, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế;

Căn cứ Quyết định số 82/2017/QĐ-UBND ngày 22 tháng 9 năm 2017 của UBND tỉnh ban hành quy định đơn giá cây trồng, vật nuôi làm cơ sở xác định giá trị bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế;

Căn cứ Quyết định số 37/2018/QĐ-UBND ngày 19 tháng 6 năm 2018 của UBND tỉnh ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế;

Căn cứ Quyết định số 36/2019/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2019 của UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quyết định số 68/2015/QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2015 của UBND tỉnh ban hành đơn giá nhà, công trình, vật kiến trúc và các loại mô mã làm căn cứ bồi thường, hỗ trợ khi Nhà

nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế;

Căn cứ Quyết định số 80/2019/QĐ-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2019 của UBND tỉnh ban hành Bảng giá đất trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế áp dụng trong thời gian 5 năm (2020-2024);

Căn cứ Quyết định số 837/QĐ-UBND ngày 27 tháng 3 năm 2019 của UBND tỉnh về việc phê duyệt hệ số điều chỉnh giá đất để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện các công trình, dự án trong năm 2020 thuộc địa bàn huyện Quảng Điền;

Căn cứ Thông báo số 19/QĐ-UBND ngày 14 tháng 02 năm 2020 của UBND huyện về việc thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm để giải phóng mặt bằng thực hiện dự án: Chinh trang đô thị thị trấn Sịa (khu vực Nam Thủ Lễ), huyện Quảng Điền (giai đoạn 1);

Theo đề nghị của phòng Tài nguyên - Môi trường tại Tờ trình số 20/TTr-TNMT ngày 01 tháng 4 năm 2020,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho các tổ chức, hộ gia đình và cá nhân khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình: Chinh trang đô thị thị trấn Sịa (khu vực Nam Thủ Lễ), huyện Quảng Điền (giai đoạn 1).

Điều 2. Căn cứ Phương án đã được phê duyệt, giao trách nhiệm cho Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện, UBND thị trấn Sịa triển khai thực hiện tốt một số nội dung công việc cụ thể như sau:

1. Trung tâm phát triển quỹ đất huyện (chủ đầu tư dự án) có trách nhiệm thực hiện đúng theo quy định của Nhà nước về chủ đầu tư.

2. Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện có trách nhiệm thực hiện việc niêm yết công khai Phương án tại trụ sở UBND thị trấn Sịa và trụ sở sinh hoạt của cộng đồng dân cư nơi có đất thu hồi; tổ chức chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ cho các hộ dân có tên tại Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện; Trưởng các phòng: Tài nguyên - Môi trường, Tài chính - Kế hoạch, Kinh tế - Hạ tầng; Giám đốc Kho bạc Nhà nước huyện; Giám đốc Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện; Chủ tịch UBND thị trấn Sịa; Thủ trưởng các cơ quan có liên quan và các hộ dân có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- CT, các PCT UBND huyện;
- VP: LĐ+CVKT;
- Lưu VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trương Duy Hải

PHƯƠNG ÁN

Bồi thường hỗ trợ và tái định cư cho các tổ chức, hộ gia đình và cá nhân khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình: Chỉnh trang đô thị thị trấn Sịa (khu vực Nam Thủ Lễ), huyện Quảng Điền (giai đoạn 1)

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng 4 năm 2020 của UBND huyện Quảng Điền)

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 64/2014/QĐ-UBND ngày 25 tháng 9 năm 2014 của UBND tỉnh ban hành Quy định về trình tự, thủ tục thu hồi đất để sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế;

Căn cứ Quyết định số 68/2015/QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2015 của UBND tỉnh ban hành đơn giá nhà, công trình, vật kiến trúc và các loại mô mã làm căn cứ bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế;

Căn cứ Quyết định số 02/2017/QĐ-UBND ngày 10 tháng 01 năm 2017 của UBND tỉnh ban hành Quy định việc lập dự toán, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế;

Căn cứ Quyết định số 82/2017/QĐ-UBND ngày 22 tháng 9 năm 2017 của UBND tỉnh ban hành quy định đơn giá cây trồng, vật nuôi làm cơ sở xác định giá trị bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế;

Căn cứ Quyết định số 37/2018/QĐ-UBND ngày 19 tháng 6 năm 2018 của UBND tỉnh ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế;

Căn cứ Quyết định số 36/2019/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2019 của UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quyết định số 68/2015/QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2015 của UBND tỉnh ban hành đơn giá nhà, công trình, vật kiến trúc và các loại mô mã làm căn cứ bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế;

Căn cứ Quyết định số 80/2019/QĐ-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2019 của UBND tỉnh ban hành Bảng giá đất trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế áp dụng trong thời gian 5 năm (2020-2024);

Căn cứ Quyết định số 837/QĐ-UBND ngày 27 tháng 3 năm 2019 của UBND tỉnh về việc phê duyệt hệ số điều chỉnh giá đất để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện các công trình, dự án trong năm 2020 thuộc địa bàn huyện Quảng Điền;

Căn cứ Thông báo số 19/QĐ-UBND ngày 14 tháng 02 năm 2020 của UBND huyện về việc thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm để giải phóng mặt bằng thực hiện dự án: Chính trang đô thị thị trấn Sịa (khu vực Nam Thủ Lễ), huyện Quảng Điền (giai đoạn 1).

II. ĐIỀU TRA HIỆN TRẠNG

1. Phạm vi giải phóng mặt bằng

Thuộc địa phận thị trấn Sịa, huyện Quảng Điền.

2. Vị trí cắm mốc giải phóng mặt bằng

- Số lượng cọc:

- Vị trí cọc dự kiến:

3. Quy cách cọc giải phóng mặt bằng

Cọc bằng tre dài 0,5m, chôn thẳng đứng, phần nổi phía trên được sơn đỏ để dễ nhận thấy.

III. KHỐI LƯỢNG BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ

1. Diện tích thu hồi: 644 m² đất ở đô thị.

2. Đối tượng bị ảnh hưởng: 02 đối tượng.

Trong đó:

- Về tổ chức: 0 đối tượng.

- Về hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư bị ảnh hưởng: 02 hộ.

- Khối lượng nhà ở phải di dời: 02.

- Khối lượng lăng mộ phải di dời: không.

- Khối lượng hộ tái định cư: 01 không.

- Khối lượng công trình hạ tầng, kỹ thuật phải phá dỡ, di dời: không.

IV. NGUYÊN TẮC BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TÁI ĐỊNH CƯ

1. Nguyên tắc bồi thường đối với đất đai và tài sản

a) Bồi thường đối với đất

Thực hiện theo các Điều 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15 Chương II, Quyết định số 37/2018/QĐ-UBND ngày 19/6/2018; Quyết định số 80/2019/QĐ-UBND ngày 21/12/2019; Quyết định số 837/QĐ-UBND ngày 27/3/2020 của UBND tỉnh.

b) Bồi thường đối với tài sản

Thực hiện theo các Điều 31, 33, 34, 35, 36, 37 Chương II Quyết định số 37/2018/QĐ-UBND ngày 16/9/2018; Quyết định số 68/2015/QĐ-UBND ngày 22/12/2015 của UBND tỉnh và Thông báo số 02A/TB-KT&HT ngày 20/02/2020 của phòng Kinh tế - Hạ tầng.

c) Bồi thường đối với cây trồng, vật nuôi

Thực hiện theo Điều 32 Chương II Quyết định số 37/2018/QĐ-UBND

ngày 19/6/2018 và Quyết định số 82/2017/QĐ-UBND ngày 22/9/2017 của UBND tỉnh.

d) Bồi thường về mồ mả: Trong phạm vi thu hồi không có lăng mộ phải di dời.

2. Nguyên tắc hỗ trợ, giải tỏa: Thực hiện theo các Điều 21, 22, 23, 24, 25, 26, 27 Chương II, Quyết định số 37/2018/QĐ-UBND ngày 19/6/2018 của UBND tỉnh.

3. Phương án giao đất ở

a) Đối tượng giao đất ở

Ông Hồ Đăng Giàu được giao đất ở theo Khoản 1 Điều 9; ông Hồ Đăng Sơn được giao đất ở theo Khoản 2 Điều 9 Quyết định số 37/2018/QĐ-UBND ngày 19/6/2018 của UBND tỉnh.

b) Khu vực giao đất ở

Thực hiện theo Quyết định số 2.938A/QĐ-UBND ngày 16/12/2019 của UBND huyện.

c) Phương thức bố trí đất ở

Thông qua họp dân lấy ý kiến, các hộ gia đình thống nhất vị trí giao đất ở như sau:

- Ông Hồ Đăng Giàu: lô đất số 02, diện tích 250m².
- Ông Hồ Đăng Sơn: Lô đất số 01, diện tích 100m².

d) Giá đất ở

Thực hiện theo Quyết định số 80/2019/QĐ-UBND ngày 21/12/2019 và Quyết định số 04/2020/QĐ-UBND ngày 10/01/2020 của UBND tỉnh.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí bồi thường, hỗ trợ và chi phí tổ chức thực hiện giải phóng mặt bằng được giải quyết từ nguồn ngân sách Nhà nước và dự án chi trả.

VI. DỰ TOÁN KINH PHÍ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ CHI PHÍ TỔ CHỨC THỰC HIỆN GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG

Trên cơ sở các nguyên tắc bồi thường, hỗ trợ nêu trên, căn cứ số liệu kiểm kê của Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện. Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ là **1.195.166.000 đồng** (Một tỷ, một trăm chín mươi lăm triệu, một trăm sáu mươi sáu nghìn đồng).

(có Phụ lục chi tiết kèm theo)

VII. GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, TỐ CÁO

1. Trách nhiệm: Để đảm bảo cho các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân khi có kiến nghị, Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện, UBND thị trấn Sịa là nơi tiếp nhận hồ sơ và phối hợp giải quyết các thắc mắc của các hộ gia đình liên quan đến công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của dự án.

2. Phương pháp giải quyết: Trong khi chờ giải quyết khiếu nại, người bị thu hồi đất vẫn phải chấp hành Quyết định thu hồi đất, giao đất đúng kế hoạch và thời gian đã được UBND huyện quyết định. Những hộ cố ý từ chối hay gây chậm trễ việc bàn giao mặt bằng xây dựng dự án, tùy theo mức độ vi phạm sẽ được các cấp chính quyền xem xét, xử lý theo quy định của Pháp luật.

VIII. KẾ HOẠCH THỰC HIỆN

1. Công bố công khai Quyết định phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền: Ngay sau khi có Quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền.

2. Giải quyết thắc mắc khiếu nại: Trong vòng 30 ngày kể từ ngày Quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền có hiệu lực.

3. Chi trả bồi thường, hỗ trợ và thu tiền sử dụng đất: Trong vòng 27 ngày làm việc kể từ ngày Quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền có hiệu lực.

4. Giải tỏa, bàn giao mặt bằng thực hiện Dự án: Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận đủ tiền bồi thường, hỗ trợ các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có trách nhiệm bàn giao mặt bằng để thực hiện dự án hoặc thời hạn có thể sớm hơn nếu người bị thu hồi đất tự nguyện, ủng hộ việc sớm bàn giao mặt bằng để triển khai dự án (việc bàn giao đất giữa Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện và người có đất bị thu hồi phải lập thành biên bản và có xác nhận của UBND cấp xã nơi có đất bị thu hồi).

IX. CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện có trách nhiệm lập, báo cáo UBND huyện các nội dung sau:

1. Báo cáo về công tác tài chính kế toán: Thực hiện theo quy định của pháp luật về thống kê kế toán hiện hành.

2. Báo cáo thống kê kế hoạch thực hiện

- Kết quả, tiến độ thực hiện công tác giải phóng mặt bằng.
- Các vấn đề nảy sinh và đề xuất các biện pháp giải quyết.
- Kế hoạch thực hiện trong thời gian tới.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Trương Duy Hải

PHỤ LỤC

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng 4 năm 2020
của UBND huyện Quảng Điền)

Phụ lục 1

KINH PHÍ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ CHI PHÍ TỔ CHỨC THỰC HIỆN GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG

STT	MSĐB	Họ và tên	Đơn vị tính	Chiều rộng	Chiều dài	DT cộng thêm (chiều cao)	Số lượng	Đơn giá đền bù (đ/ĐVT)	Hệ số điều chỉnh giá đất	Thành tiền (đồng)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
1		HỒ ĐĂNG GIÀU								1172 881 000
a		Nhà cửa và vật kiến trúc								661 661 000
	Phụ lục 1; Mục I.3.1.a	Nhà ở cấp IV (1 tầng): <i>(Nhà có khu phụ)</i> Nhà móng BTCT kết hợp xây gạch đá; cột BTCT, tường gạch; mái ngói, nền lát gạch.	m2	4,9	7,0		34,3	3.307.500		113.447.000
	Phụ lục 1; Mục I.3.1.a	Mái hiên nhà ở cấp IV (1 tầng): <i>(Nhà có khu phụ)</i> Nhà móng BTCT kết hợp xây gạch đá; cột BTCT, tường gạch; mái ngói, nền lát gạch.	m2	2,0	7,0		14	3.307.500		46.305.000
	Phụ lục 1; Mục I.3.1.a	Nhà ở cấp IV (1 tầng): <i>(Nhà có khu phụ)</i> Nhà móng BTCT kết hợp xây gạch đá; cột BTCT, tường gạch; mái ngói, nền lát gạch.	m2	4,1	8,7		35,67	3.307.500		117.979.000

Phụ lục 2; Mục I.2	Nhà vệ sinh xây gạch, bờ lô, mái ngói, nền gạch men, tường ốp gạch men.	m2	3,2	3,2		10,24	3.622.500		37.094.000
Phụ lục 1; Mục I.4.1	Nhà bếp: Trụ BTCT, tường xây bờ lô, mái tôn, nền xi măng.	m2	3,2	5,4		17,28	1.050.000		18.144.000
Phụ lục 2; Mục X.2	Chuồng gà: Tường gạch cao 1m, nền bê tông kiên cố, mái tôn, nền xi măng.	m2	1,5	4,6		6,9	700.350		4.832.000
Phụ lục 2; Mục IV.2.1	Mái che thông dụng: Trụ BTCT, mái tôn, nền xi măng.	m2	2,8	7,3		20,44	535.500		10.946.000
Phụ lục 2; Mục IV.2.2	Mái che thông dụng: Trụ gỗ, khung tre, mái tôn.	m2	3,3	9,2		30,36	423.150		12.847.000
Phụ lục 2; Mục XI.7	Sân bê tông (13,2*6,1) + (2,1*4,1) + (2,5*5,8)	m2				103,6	289.800		30.032.000
Phụ lục 2; Mục XIII.1.1	Trụ công: Trụ xây gạch, bờ lô, phần thô có tô trát (2 trụ).	đồng/m3	0,4	0,4	2,0	0,64	2.170.350		1.389.000
Phụ lục 1; Mục III.5.10	Tường xây bờ lô (bình phong)	đồng/m3	0,2	4,3	1,5	1,29	928.200		1.197.000
Phụ lục 2; Mục IX.2.2	Am xi măng loại vừa (bao gồm cả cột trụ)	cái				1	945.000		945.000

Phụ lục 2; Mục VII.1.1	Bồn thường di chuyển ống nhựa dẫn nước sinh hoạt ($\phi < 40$)	m dài				100	26.250		2.625.000
Phụ lục 2; Mục VII.2.1	Hệ thống đường dây tải điện	m dài				100	26.250		2.625.000
II.2	Cây chuối đá, sứ (Thời kỳ phát triển giữa vụ)	cây				50	16.500		825.000
V.1	Cây lộc vừng D = 10-20cm	cây				8	500.000		4.000.000
IV.B.47	Sâu đông D = 7-10cm	cây				2	34.060		68.000
III.21	Cây cau h = 3-6m	cây				4	123.000		492.000
Phụ lục 1; Mục I.2.1.d	Nhà cấp III (1 tầng): Nhà khung móng BTCT kết hợp gạch đá; tường gạch, mái BTCT, nền xi măng.	m ²	5,7	5,9		33,63	3.738.000		125.709.000
Phụ lục 1; Mục 4.3	Trừ phần nền lát gạch men sứ Ceramic.	m ²	-5,5	5,7		-31,4	315.000		-9.875.000
Phụ lục 1; Mục I.2.1.d	Nhà cấp III (1 tầng): Nhà khung móng BTCT kết hợp gạch đá; tường gạch, chưa có mái, nền xi măng.	m ²	5,7	9,2		52,44	3.738.000	0.65	127.413.000
Phụ lục 1; Mục 4.3	Trừ phần nền lát gạch men sứ Ceramic.	m ²	-5,5	9,0		-49,5	315.000		-15.593.000
Phụ lục 1; Mục I.2.1.d	Nhà cấp III (1 tầng): Nhà khung móng BTCT kết hợp gạch đá; tường gạch, chưa có mái, nền xi măng.	m ²	2,3	5,7		13,11	3.738.000	0.65	31.853.000

	Phụ lục 1; Mục 4.3	Trừ phần nền lát gạch men sứ Ceramic.	m2	-2,1	5,5		-11,6	315.000		-3.638.000
b		Bồi thường về đất								469.480.000
		Đất ở đô thị Vị trí 3 đường Nguyễn Vĩnh (Tỉnh lộ 19): Đoạn từ Nam cầu Vĩnh Hòa đến Trụ sở Tòa án nhân dân huyện (Hệ số K=1,05 tạm tính).	m2				200	1.260.000	1.05	264.600.000
		Đất trồng cây hàng năm (Đất vườn ao) (Vị trí 1 vùng đồng bằng)	m2				443	30.000		13.290.000
		Hỗ trợ đất vườn ao gắn liền với đất ở = 50% giá đất ở của thửa đất đó (1.260.000/2=630.000 đồng)	m2				443	630.000		279.090.000
		Khấu trừ tiền sử dụng đất tái định cư	m2				250	-350.000	1.0	-87.500.000
c		Chính sách hỗ trợ								41.740.000
		Hỗ trợ thuê nhà tạm cư 6 tháng	đồng/tháng				6	1.200.000		7.200.000
		Hỗ trợ di chuyển chỗ ở (dưới 5 km)	đồng					5.000.000		5.000.000
		Hỗ trợ san nền	đồng							29.540.000
A		CỘNG								1.172.881.000
B		CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG (1.9%I)								22.285.000
		TỔNG GIÁ TRỊ (A+B)								1.195.166.000

Phụ lục 2
CÂN ĐỐI CHÊNH LỆCH GIÁ TRỊ TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT

Stt	Hộ gia đình, cá nhân	Ký hiệu lô đất	Diện tích đất tái định cư (m ²)	Giá đất theo QĐ số 80/2019/QĐ-UBND ngày 21/12/2019 của UBND tỉnh (đồng/m ²)	Hệ số tái định cư theo QĐ số 04/2020/QĐ-UBND ngày 10/01/2020	Giá đất tái định cư (đồng/lô)	Số tiền đất được bồi thường, hỗ trợ về đất (đồng)	Số tiền phải khấu trừ tiền sử dụng đất tái định cư (đồng)	Số tiền còn lại được nhận hoặc phải nộp của các hộ gia đình sau khi cân đối tiền đất tái định cư (đồng)	Ghi chú
		A	B	C	D	E=(B*C*D)	F	G	H=F-G	I
1	Hồ Đăng Giàu	Lô 2	250,0	350.000	1,00	87.500.000	556.980.000	87.500.000	469.480.000	Được nhận
2	Hồ Đăng Sơn	Lô 1	100,0	350.000	1,05	36.750.000		36.750.000	36.750.000	Nộp lại
Tổng cộng			350,0			124.250.000	556.980.000	124.250.000	432.730.000	